

Số: 137/2019/QĐST-HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 395/2019/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đào Văn B, sinh năm 1972, nơi cư trú: 828/19/25 BG, phường 11, thành phố VT, tỉnh BR-VT;

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1984, nơi cư trú: 828/19/25 BG, phường 11, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện VB, thành phố N theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 27/7/2005, là hôn nhân hợp pháp. Từ khi kết hôn đến năm 2017, ông B và bà N chung sống hạnh phúc. Sau thời gian này, hai bên thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng, quan tâm, tin tưởng lẫn nhau và không chung sống cùng nhau từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Ông B và bà N đã nhiều lần cùng nhau hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn giữa ông B và bà N thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng ông B và bà N thống nhất thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 5 năm 2019 trên cơ sở

hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N cùng thống nhất khai trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung: Đào Thị Thu H, sinh ngày 30/9/2005 và Đào Phương T, sinh ngày 18/02/2016. Ông B và bà N cùng thống nhất: Ông Đào Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Thị Thu H. Bà Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Phương T. Ông B, bà N tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N thống nhất mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Ông Đào Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Thị Thu H. Bà Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Phương T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B, bà N tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị N đã nộp đủ lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009355, TU/2017/0009356 cùng ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã ĐT, huyện VB, thành phố Nam Định;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trà My